TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:06/2024/HNGĐ-ST Ngày: 11 - 01 - 2024 V/v "Ly hôn & Tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự;
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 678/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2023/QĐXXST-HN, ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: **Đặng Minh S**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Thị N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Đặng Minh S (Sau đây gọi anh S) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong nhiều việc, cuộc sống luôn cãi vã nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh S.

-Về con chung: Có một người con chung tên Đặng Thị Như Q (Nữ), sinh ngày 19 tháng 4 năm 2018, từ khi ly thân thì con chung đang sống với chị N, chị nuôi con vẫn tốt, nay ly hôn chị yêu cầu nuôi con chung, nếu anh S tự nguyện cho tiền nuôi con bao nhiêu là tùy anh S, nếu không cấp dưỡng thì chị cũng đồng ý và không yêu cầu vì hiện tại chị có thu nhập từ mua bán tạp hóa khoảng 7.500.000 đồng/tháng, cộng với tiền trồng rau, cải từ 03 công đất của gia đình cho để bán thêm đảm bảo nuôi con.

Khi sinh con là do chị sinh bằng biện pháp mổ, không sinh được tự nhiên và có giấy tờ của Bệnh viện xác định chị N không còn khả năng sinh con, giấy này hiện nay do anh S giữ. Do vậy chị rất tha thiết được quyền nuôi con. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Đặng Minh S có lời trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân. Về nguyên nhân mẫu thuẫn thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cũng có khi cãi vã nhau nhưng không có gì là trầm trọng, bản thân anh luôn chăm lo cho gia đình, thương yêu vợ con, vợ anh có lúc bỏ bê gia đình nhưng do còn thương vợ con nên anh chưa đồng ý ly hôn.

Khi sinh con thì vợ anh không thể sinh tự nhiên và phải mổ, về các giấy tờ của bệnh viện khi sinh con thì do dọn nhà nên anh đã bỏ hiện nay không còn giữ, về việc vợ anh không còn khả năng sinh con thì anh cũng biết vì anh là người trực tiếp đưa vợ anh đi sinh con.

Tại phiên tòa anh S xác định: Nếu vợ anh cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý nhưng anh yêu cầu vợ anh giao con về cho anh nuôi. Anh thừa nhận chị N vẫn đang nuôi con tốt nhưng do phía gia đình anh chỉ có mẹ và không có cháu ở chung nên anh yêu cầu được nuôi con chung, anh chưa yêu cầu cấp dưỡng vì hiện tại anh làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh có thu nhập tương đương 11.000.000 đồng/tháng, đảm bảo nuôi con. Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn và Tranh chấp về nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật

Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị N và anh S qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 8 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện PH, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh S trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng tại phiên tòa cả chị N và anh S đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đều đồng ý xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[4] Về con chung: Có một người con chung, anh chị có tranh chấp về quyền nuôi con, ai cũng có yêu cầu được nuôi con. Xét từ khi ly thân đến nay thì con chung do chị N nuôi, anh S cũng thừa nhận là chị N đang nuôi con tốt. Đồng thời, cháu Như Q là nữ thì việc giao cho mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ có nhiều mặt thuận lợi hơn cha, xét cháu Như Q có đời sống ổn định với chị N, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, cần tiếp tục giao cháu Như Q cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh S có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ và tài sản chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Minh S thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Thị Như Q (Nữ), sinh ngày 19 tháng 4 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh S có yêu cầu khác.

Đặng Minh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Đặng Minh S mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006265, ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã P, h.PH, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm